

Bản án số: **147/2026/HS-ST**

Ngày: 16-7-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Viết Thành;

2. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tới - Kiểm sát viên;

Ngày 16 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 141/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn P**, giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 9 năm 2000. Nơi sinh: tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: ấp H, xã P, tỉnh Tây Ninh. Chỗ ở hiện tại: ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: lao động tự do. Trình độ học vấn: 4/12. Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977. Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo Nguyễn Văn P đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/10/2025, chuyển tạm giam từ ngày 14/10/2025, tại Phân trại tạm giam T3 thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T cho đến nay.

2. Họ và tên: **Lê Văn C**, giới tính: Nam; sinh ngày 23 tháng 5 năm 2002 Nơi sinh: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: lao động tự do. Trình độ học vấn: 5/12. Con ông Lê Văn S, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Vợ: Đỗ Ngọc T1, sinh năm 2004, đã ly hôn; Con: có 01 người, sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: không có. Về nhân thân: Bản án số 24/2019/HS-ST ngày 09/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh

(nay là Tòa án nhân dân khu vực 11) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, được coi là không có án tích; Bản án số 86/2022/HS-ST ngày 28-12-2022 xử phạt Lê Văn C 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc” đã chấp hành xong.

Bị cáo Lê Văn C đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 05/10/2025, chuyển tạm giam từ ngày 14/10/2025, tại Phân trại tạm giam T3 thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T cho đến nay.

3. Họ và tên: **Phạm Văn H1**, giới tính: Nam; sinh ngày 16 tháng 6 năm 1997. Nơi sinh: tỉnh Tây Ninh. Nơi cư trú: ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: lao động tự do. Trình độ văn hóa: 8/12. Con ông Phạm Văn C1, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1959. Vợ, con: chưa có; Tiền án: Không có; Tiền sự:

Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 12/QĐ-TA ngày 12/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11) áp dụng thời gian cai nghiện bắt buộc 15 tháng, chấp hành xong ngày 23/3/2023.

Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 18/QĐ-TA ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh) áp dụng thời gian cai nghiện bắt buộc 24 tháng (chưa chấp hành nhưng đã hết thời hiệu thi hành).

Bị cáo Phạm Văn H1 đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 23/4/2026, tại Phân trại tạm giam T3 thuộc Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T cho đến nay.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 02/10/2025, Lê Văn C đến nhà Nguyễn Văn P, tại ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh để chơi. Tại đây, bị cáo C rủ bị cáo P hùn tiền mua ma túy để sử dụng thì P đồng ý. C đưa cho P số tiền 100.000 đồng, P bỏ ra số tiền 100.000 đồng; lúc này Phạm Văn H1 cũng điều khiển xe mô tô đến nhà của bị cáo P. Do không có xe đi mua ma túy nên P hỏi bị cáo H1 cho mượn xe mô tô Honda, hiệu Wave, biển số 70R2-0877 để đi mua ma túy về nhà P cùng nhau sử dụng thì Hòa đồng ý. P điều khiển xe mô tô đi đến khu vực đường Đ thuộc xã T, tỉnh Tây Ninh gặp và mua 01 bịch ma túy, với giá 200.000 đồng của người tên Đ không rõ nhân thân lai lịch. Sau khi có ma túy, P đem về nhà lấy bộ dụng cụ của P bỏ ma túy vào, sử dụng cùng với C, H1 cho đến khi hết ma túy.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo C điều khiển xe mô tô đi đến khu vực ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh thì bị Công an xã T kiểm tra, đưa bị cáo C về trụ sở làm việc và xét nghiệm phát hiện C dương tính với chất ma túy. Qua làm việc C

khai nhận trước đó đã hùn tiền mua ma túy sử dụng chung với P, H1. Bút lục số: 01-03; 51-54, 85-86, 118-119.

Kết quả trưng cầu giám định: Bản kết luận giám định số: 2120/KL-KTHS, ngày 08/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu chất màu nâu, ký hiệu M bám dính trong 01 ống thủy tinh một đầu hình tròn gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng không xác định được vì mẫu quá ít. Bút lục số: 77.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy ngày 04/10/2025 của Công an xã T xác định Nguyễn Văn P, Lê Văn C, Phạm Văn H1 dương tính với chất ma túy. Bút lục số: 37-39.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Có bảng thống kê vật chứng kèm theo.

Kê biên tài sản: Qua xác minh tài sản của Nguyễn Văn P, Lê Văn C, Phạm Văn H1 không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

Đối với người tên Đ bán ma túy cho Nguyễn Văn P, không rõ nhân thân, lai lịch, không làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T chưa có cơ sở xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và vật chứng bị thu giữ đúng nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố;

Tại cáo trạng số 185/CT-VKSKV11 ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Văn C, Phạm Văn H1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Văn C, Phạm Văn H1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 08 năm đến 10 năm tù;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 08 năm đến 10 năm tù;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 từ 07 năm đến 09 tù.

Hình phạt bổ sung: miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật;

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát;

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo ăn năn hối cải. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T; Điều tra viên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: Khoảng 21 giờ ngày 02/10/2025, tại ấp F, xã T, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Lê Văn C rủ bị cáo Nguyễn Văn P hùn tiền mua ma túy; bị cáo Phạm Văn H1 giao xe mô tô Honda, hiệu Wave, biển số 70R2-0877 cho bị cáo P đi mua ma túy. Tại nhà của bị cáo P, bị cáo P sử dụng bộ dụng cụ để cho bị cáo Lê Văn C, Phạm Văn H1 và Nguyễn Văn P cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy; đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã T mời làm việc, thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, bên trong chứa ma túy, loại Methamphetamine. Diễn biến hành vi của các bị cáo và vật chứng bị thu giữ như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, với tình tiết “Đối với hai người trở lên”.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không chỉ gây tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe con người, hành vi này còn là mầm mống phát sinh các tệ nạn xã hội và nhiều loại tội phạm khác.

[5] Xét thấy, cần xét xử các bị cáo mức án tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một khoản thời gian nhất định để có tác dụng cải tạo giáo dục và góp phần phòng chống tội phạm.

[6] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[6.1] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6.2] Tình tiết tăng nặng: Không có;

[7] Xem xét vai trò thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với từng bị cáo; trong đó, bị cáo C là người chủ động rủ rê, hùn tiền cho bị cáo P trực tiếp đi mua ma túy, bị cáo P sử dụng địa điểm là nhà của bị cáo và cung cấp

bộ dụng cụ để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo H1 cung cấp phương tiện là xe mô tô để cho bị cáo P đi mua ma túy về sử dụng. Do đó, bị cáo P và bị cáo C giữ vai trò chính nên mức hình phạt áp dụng ngang nhau và cao hơn so với bị cáo H1.

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

[8] Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 2120 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Văn N, trợ lý giám định Lê Thị Thùy T2 và dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong có 01 (một) đoạn thủy tinh có một đầu hình tròn; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, gồm: 01 ly thủy tinh phía trên có gắn liền một phần chai nhựa có nắp chai màu trắng được dán lại bằng băng keo trắng, trên nắp chai có khoét 02 lỗ tròn gắn 01 ống hút nhựa màu trắng.

Riêng xe mô tô loại xe Wave màu trắng, biển số 70R2-0877, số khung: RMKWCH6UM5K610015, số máy: VKY1P52FMH-H610015. Bị cáo H1 cho bị cáo Phúc mượn để làm phương tiện mua ma túy sử dụng được xác định là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P **08 (tám) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/10/2025;

1.2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Lê Văn C **08 (tám) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 05/10/2025;

1.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 **07 (bảy) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/4/2026;

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số 2120 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Văn N, trợ lý giám định Lê Thị Thùy T2 và dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong có 01 (một) đoạn thủy tinh có một đầu hình tròn; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy, gồm: 01 ly thủy tinh phía trên có gắn liền một phần chai nhựa có nắp chai màu trắng được dán lại bằng băng keo trắng, trên nắp chai có khoét 02 lỗ tròn gắn 01 ống hút nhựa màu trắng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô loại xe Wave màu trắng, biển số 70R2-0877, số khung: RMKWCH6UM5K610015, số máy: VKY1P52FMH-H610015.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 30 tháng 6 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 11, tỉnh Tây Ninh)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Văn C, Phạm Văn H1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 11 tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lắm